












## 1 Nhận biết các chất hoặc hỗn hợp và các doanh nghiệp

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên giao dịch Resin solution X 50**
- **Mã giao dịch:** 1234567890
- **Hướng dẫn sử dụng** Vật liệu thô cho nhựa
- **Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**  
 Chemix GmbH  
 Chemixstraße 17  
 A-5020 Salzburg Tel.: 0043/662/21 22 23
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:**  
 Product safety department.  
 Email address of the competent person: [peter.mayer@chemix.com](mailto:peter.mayer@chemix.com)
- **Số điện thoại khẩn cấp:**  
 During normal opening times (8 am till 5:30 pm): environment protection department, Ext 123  
 at other times: factory fire brigade, Ext 222

## 2 Thành phần / Thông tin của công thức

- **Mô tả tính chất hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả** Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

- **Các chất thành phần nguy hiểm:**

25068-38-6	reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight $\leq$ 700)  H411;  H315; H319; H317	25-50%
108-88-3	toluene  H225;  H361; H373; H304;  H315; H336	10-25%
141-78-6	ethyl acetate  H225;  H319; H336	10-25%
78-92-2	butanol  H226;  H319; H335+H336	2.5-10%
67-63-0	propan-2-ol  H225;  H319; H336	2.5-10%

## 3 Xác định các trường hợp nguy hiểm có thể xảy ra

- **Phân loại chất và hỗn hợp**



GHS02 cháy flame

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.



GHS08 Hại sức khỏe

H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và hít phải.

(Xem tiếp ở trang 2)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 1)



GHS09 Môi trường

H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.



GHS07

H315 Gây kích ứng da.

H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02



GHS07



GHS08



GHS09

- **Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm
- **Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**  
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq 700$ )  
toluene
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**  
H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.  
H315 Gây kích ứng da.  
H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.  
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và hít phải.  
H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.
- **Các hướng dẫn an toàn**  
P101 Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.  
P102 Để xa tầm tay trẻ em.  
P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.  
P210 Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.  
P301+P310 **NẾU NUỐT:** Ngay lập tức gọi cho trung tâm độc tố hoặc bác sĩ.  
P303+P361+P353 **NẾU DÍNH DA (hoặc tóc):** Bỏ/vắt đi ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/vòi hoa sen.  
P305+P351+P338 **NẾU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa  
P405 Nơi cất giữ được khóa lại

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

P501

Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế. (Xem tiếp ở trang 2)

**4 Các biện pháp sơ cứu****· Hướng dẫn chung:**

Triệu chứng nhiễm độc có thể xuất hiện sau một vài giờ, nên những quan sát ý tế cần phải đư  
ợc kéo dài ít nhất 48 giờ sau tai nạn.

**· Sau khi hít vào:**

Cung cấp không khí trong lành và gọi bác sĩ

Trong trường hợp người bệnh bất tỉnh giữ bệnh nhân ở vị trí nằm nghiêng và chuyển đi.

**· Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa ngay và thật sạch với nước và xà phòng**· Sau khi tiếp xúc với mắt:**

Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút, nếu không thấy đỡ thì phải gọi cho bác sĩ ngay

**· Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ**5 Các giải pháp chữa cháy**

- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp** Dùng CO<sub>2</sub>, cát, bột chữa cháy. Không dùng nước
- **Các biện pháp chữa cháy không thích hợp vì lý do an toàn:** Tia nước
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp** Không có thêm thông tin liên quan
- **Các thiết bị bảo vệ** Không cần đến những biện pháp đặc biệt

**6 Các biện pháp trong trường hợp giải phóng bất ngờ****· Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**

Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm

**· Các biện pháp bảo vệ môi trường**

Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào

Thông báo ngay cho nhà chức trách trong trường hợp ngấm vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào

Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm

**· Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**

Có thể ngấm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, diatomite, vữa axit, vữa thường, mùn cưa)

Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chatá thải tại mục 13

Đảm bảo thoáng khí

Không gột bằng nước hay chất tẩy rửa dạng nước

**· Liên hệ đến các phần khác**

Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn

Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân

Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

**7 Xử lý và lưu trữ**

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**  
Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí

(Xem tiếp ở trang 4)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 3)

- Tránh hình thành aerosol
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy,**  
Tránh xa nguồn cháy nổ. Không hút thuốc  
Tránh tích điện
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Không có yêu cầu đặc biệt nào
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Đậy kín bình chứa
- **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

**8 Kiểm soát các tình huống nguy hiểm / Bảo vệ cá nhân**

- **Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7

- **Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

**108-88-3 toluene**

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 100 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 50 mg/m <sup>3</sup>
----------	--

**141-78-6 ethyl acetate**

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 300 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 200 mg/m <sup>3</sup>
----------	---

**67-63-0 propan-2-ol**

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 700 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 350 mg/m <sup>3</sup>
----------	---

- **Thông tin bổ sung**  
Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở
- **Các thiết bị an toàn cá nhân**
- **Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**  
Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi  
Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn  
rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm  
Tránh tiếp xúc với mắt và da
- **Bảo vệ đường hô hấp:**  
Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc.  
Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi
- **Bảo vệ tay**



Găng tay bảo hộ

Chất liệu làm găng phải chống thấm đối với sản phẩm/chất/chế phẩm  
Do không thấy các cuộc thử nghiệm nên không có khuyến cáo về chất liệu làm găng tay cho sản phẩm/chế phẩm/hỗn hợp hóa chất  
Chọn chất liệu găng theo số lần và thời gian sử dụng

- **Chất liệu của găng tay**  
Khi sản phẩm là một chế phẩm của một số chất, khả năng kháng độc của găng tay không thể tính toán trước được và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 4)

- **Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu**  
Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được giám sát
- **Bảo vệ mắt Eye**



Kính bảo hộ dán kín

**9 Tính chất vật lý và hóa học**

· <b>Thông tin tổng quát</b>	
· <b>Diện mạo:</b>	
<b>Hình thức::</b>	Thể lỏng
<b>Màu:</b>	Theo đặc tả của sản phẩm
· <b>Mùi:</b>	Đặc điểm
· <b>Ngưỡng mùi:</b>	Không xác định.
· <b>Độ pH:</b>	Không xác định.
· <b>Thay đổi trong điều kiện</b>	
<b>Điểm tan / Phạm vi tan</b>	Không xác định
<b>Điểm sôi / Phạm vi sôi</b>	77°C
· <b>Điểm bay hơi:</b>	26°C
· <b>Tính dễ cháy (rắn, khí):</b>	Không thể áp dụng.
· <b>Nhiệt độ cháy:</b>	390°C
· <b>Nhiệt độ phân hủy:</b>	Không xác định.
· <b>Tự cháy:</b>	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· <b>Nguy hiểm do cháy nổ:</b>	Sản phẩm không nổ. Nhưng có khả năng hình thành khí, hỗn hợp hơi gây nổ.
· <b>Giới hạn nổ:</b>	
<b>Dưới:</b>	1.2 Vol %
<b>Trên:</b>	11.5 Vol %
· <b>Áp lực hơi: tại 20°C:</b>	97 hPa
· <b>Mật độ:</b>	Không xác định.
· <b>Mật độ tương đối:</b>	Không xác định.
· <b>Mật độ của hơi:</b>	Không xác định.
· <b>Tỉ lệ bay hơi:</b>	Không xác định.
· <b>Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:</b>	
<b>Nước:</b>	Không thể hoặc khó trộn lẫn.
· <b>Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):</b>	Không xác định.
· <b>Độ nhớt:</b>	
<b>Động</b>	Không xác định.

(Xem tiếp ở trang 6)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 5)

<b>Tính</b>	Không xác định.
<b>Thành phần dung môi:</b>	
Dung môi hữu cơ:	50.0 %
VOC (EC):	50.00 %
<b>Thành phần chất rắn:</b>	50.0 %
<b>Thông tin khác:</b>	Không có thông tin chi tiết tương ứng

**10 Sự ổn định và phản ứng:**

- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

**11 Thông tin độc tính:**

- **Ngộ độc cấp tính:**

· <b>Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50</b>		
<b>108-88-3 toluene</b>		
Miệng	LD50	5000 mg/kg (rat)
Da	LD50	12124 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	5320 mg/l (mouse)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da:** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.
- **Trên mắt:** Tác dụng kích ứng.
- **Độ nhạy cảm:** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.

**12 Thông tin sinh thái**

- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhạt dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Ảnh hưởng của sinh thái độc**
- **Ghi chú:** Độc hại cho cá.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**  
Độc hại cho nước loại 2 (quy định của Đức) (Tự đánh giá): có hại cho nước.  
Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải.  
Độc hại với nước uống kể cả với số lượng nhỏ thấm vào đất.  
Cũng độc hại cho cá và sinh vật phù du sống trong môi trường nước.  
Độc hại cho các sinh vật sống dưới nước.

-VN

(Xem tiếp ở trang 7)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 6)

**13 Xem xét xử lý**

- Phương pháp xử lý chất thải
- **Khuyến nghị**  
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- Bao bì bẩn
- **Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

**14 Thông tin vận chuyển**

- Vận chuyển trên đất liền ADR/RID (Qua biên giới)



- Hạng ADR/RID 3 Các chất lỏng dễ cháy.
- Mã nguy hiểm (Kemler) 30
- Mã LHQ (UN) 1866
- Nhóm bao bì: III
- Nhãn báo nguy hiểm: 3
- Đánh dấu đặc biệt: Biểu tượng (cá và cây)
- Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ: 1866 RESIN SOLUTION, special provision 640E, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS
- Mã hạn chết đường hầm D/E

- Vận chuyển đường biển IMDG:



- Hạng IMDG 3
- Mã UN 1866
- Nhãn 3
- Nhóm bao bì III
- Mã EMS: F-E, S-E
- Ô nhiễm biển: Có  
Biểu tượng (cá và cây)
- Tên riêng vận chuyển RESIN SOLUTION (reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq 700$ ))

- Vận chuyển hàng không ICAO-TI và IATA-DGR



- Hạng ICAO/IATA: 3

(Xem tiếp ở trang 8)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 7)

· Mã UN/ID	1866
· Nhãn	3
· Nhóm bao bì:	III
· Tên riêng vận chuyển	RESIN SOLUTION

- **Mẫu chuẩn của LHQ:**  
UN1866, RESIN SOLUTION, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS, 3, III
- **Các môi trường nguy hiểm:** Sản phẩm chứa chất độc hại với môi trường:

**15 Thông tin quy định:**
**· Kho hóa chất và chất hóa học của Philippin**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

**· Kho chất hóa học của Australia**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

**· Lập kế hoạch cho thuốc và chất độc theo mẫu chuẩn**

108-88-3 toluene

S6

- **Các yêu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình cảnh báo nguy hiểm Hazard pictograms**



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

- **Từ tín hiệu** Nguy hiểm
- **Các thành phần xác định nguy hiểm của nhãn hiệu**  
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq 700$ )  
toluene
- **Cảnh báo nguy hiểm**  
H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.  
H315 Gây kích ứng da.  
H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.  
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và hít phải.  
H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.
- **Cảnh báo phòng ngừa**  
P101 Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.  
P102 Để xa tầm tay trẻ em.  
P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.  
P210 Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.  
P301+P310 **NẾU NUỐT:** Ngay lập tức gọi cho trung tâm độc tố hoặc bác sĩ.

(Xem tiếp ở trang 9)

Ngày in 2011.05.02

Sửa lại: 2011.04.28

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 8)

P303+P361+P353 **NẾU DÍNH DA (hoặc tóc):** Bỏ/vắt đi ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/vòi hoa sen.

P305+P351+P338 **NẾU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

P405 Nơi cất giữ được khóa lại

P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

**16 Thông tin khác**

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

**· Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

RID: Règlement international concernant le transport des marchandises dangereuses par chemin de fer (Regulations Concerning the International Transport of Dangerous Goods by Rail)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

IATA-DGR: Dangerous Goods Regulations by the "International Air Transport Association" (IATA)

ICAO: International Civil Aviation Organization

ICAO-TI: Technical Instructions by the "International Civil Aviation Organization" (ICAO)

VOC: Volatile Organic Compounds (USA, EU)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent